

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH TÂY NGUYÊN
PHÒNG THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

LAS – XD – 33.005

SỞ XÂY DỰNG QUẢNG NGÃI	
ĐẾN	Số :
	Ngày : 09/14/26
	Chuyển:
	Lưu hồ sơ số:

HỒ SƠ CÔNG BỐ NĂNG LỰC

Hồ sơ bao gồm:

1. Công bố năng lực của phòng thí nghiệm
2. Phụ lục 1: Danh mục chỉ tiêu thí nghiệm
3. Phụ lục 2: Danh mục dụng cụ, máy móc thiết bị thí nghiệm
4. Phụ lục 3: Danh sách cán bộ, thí nghiệm viên

Quảng Ngãi, năm 2026

Số: 01/CBNL-2026

Quảng Ngãi, ngày 07 tháng 04 năm 2026

CÔNG BỐ NĂNG LỰC
HOẠT ĐỘNG PHÒNG THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Kính gửi: Sở xây dựng tỉnh Quảng Ngãi

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Công ty Cổ phần công trình Tây Nguyên công bố công khai thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm vật liệu và kiểm định chất lượng công trình xây dựng

1. Thông tin về tổ chức hoạt động thí nghiệm:

- Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Công trình Tây Nguyên
- Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm vật liệu và kiểm định chất lượng công trình xây dựng LAS - XD - 33.005
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6101234301 đăng ký lần đầu ngày 22/08/2017; thay đổi lần thứ 9 ngày 21/01/2026 do Sở tài chính tỉnh Quảng Ngãi – Phòng đăng ký kinh doanh cấp.
- Địa chỉ trụ sở chính: 201 Nguyễn Sinh Sắc, phường Kon Tum, tỉnh Quảng Ngãi.
- Thư điện tử: lasxd33005@gmail.com - Website: lasxd33005.vn
- Người đại diện pháp luật: NGUYỄN THỊ THANH CHÀ - Chức vụ: Giám đốc
- Điện thoại: 02606.299.299

2. Thông tin phòng thí nghiệm:



- Phòng thí nghiệm vật liệu và kiểm định chất lượng công trình xây dựng LAS – XD – 33.005 (Thay đổi từ mã số LAS – XD – 1645 ngày 18/07/2024) do Sở xây dựng tỉnh Kon Tum cấp giấy chứng nhận số: 04/GCN-SXD ngày 18/07/2024.
- Địa chỉ phòng TN: 201 Nguyễn Sinh Sắc, phường Kon Tum, tỉnh Quảng Ngãi.
- Trưởng phòng: **TRẦN QUỐC DÂN**
- Điện thoại: 0905.178.127

2.1 Thông tin trạm thí nghiệm hiện trường:

- Trạm thí nghiệm hiện trường LAS – XD – 33.005. Địa chỉ: Ấp Vĩnh Phước 1, xã Vĩnh Phong, tỉnh An Giang.
- Trưởng trạm: Lê Việt Vương
- Điện thoại: 0972.791.602

3. Cam kết:

Công ty cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của thông tin tự công bố; tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ kèm theo; cam kết hành nghề hoạt động thí nghiệm vật liệu và kiểm định chất lượng công trình xây dựng theo đúng nội dung đã công bố và tuân thủ các quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Sở xây dựng (đăng tải website);
- Lưu: VT, (PTN-TC) ngày 07/04/2026

CÔNG TY CP CÔNG TRÌNH

TÂY NGUYÊN

Giám đốc



Nguyễn Thị Thanh Chà

PHỤ LỤC 1
DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 33.005

(Kèm theo Công bố số: 01/CBNL-2026 ngày 07/04/2026 của Công ty CP công trình Tây Nguyên)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG		
1	Phương pháp lấy mẫu và chuẩn bị mẫu thử	TCVN 4787:2009; ASTM C138; AASHTO T127
2	Phương pháp xác định độ mịn, bề mặt riêng (PP Blaine), khối lượng riêng của xi măng; xi măng sunfat	TCVN 13605:2023; TCVN 6067:2015; ASTM C184; C188; 150; C204; AASHTO T133; T153; 192; BS EN 196-6:10; JIS R5201:97
3	Phương pháp thử. Xác định cường độ	TCVN 6016:2011; (ISO 679; 2009); ASTM C109; C348; C349; AASHTO T106-11; BS EN 196-1:05; JIS R5201:97
4	Phương pháp xác định thời gian đông kết và độ ổn định thể tích	TCVN 6017:2015; ISO 9597:2008 ASTM C187; C191; C185; C150; AASHTO T131-10; BS EN 196-3:05; JIS R5201:97; ISO 9597:2008
5	Cleanhke xi măng pooclang; Hướng dẫn thực hành phòng thử nghiệm tốt khi phân tích dư lượng thuốc bảo vệ thực vật	TCVN 141:2023; TCVN 7024:2013; TCVN 6016:2011; TCVN 7711:2013 ; BS 196:05
THỬ NGHIỆM HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG		
6	Lấy mẫu, chế tạo và bảo dưỡng mẫu thử	TCVN 3105:2022; ASTM C172:90; AASHTO T141; T23; T126; BS 1881
7	Phương pháp xác định độ sụt	TCVN 3106:2022; ASTM C143-10a; AASHTO T19-11; BS1881 P.102; BS EN 12350-2:09; JIS A 1101:05; ISO 1920-2:2005

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
8	Phương pháp xác định độ cứng VEBE	TCVN 3107:2022; ASTM C1170; BS EN 12350-3:09
9	Phương pháp xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:2022; TCVN 3108:2022; ASTM C138-12; AASHTO T121-11; BS EN 12350-6:09; BS 1881 P.107; JIS A1116:05
10	Phương pháp xác định độ tách vữa và độ tách nước	TCVN 3109:2022; ASTM C232-09; AASHTO T158-11; BS EN 12350-4:09; BS EN 480-4:96; JIS A1123:10
11	Thí nghiệm phân tích thành phần hỗn hợp bê tông	TCVN 3110:2022
12	Phương pháp áp suất xác định hàm lượng bọt khí	TCVN 3111:2022; ASTM C138; C137; C173; C231; AASHTO T152; BS EN 12350-7:09; JIS A1128:05
13	Phương pháp xác định khối lượng riêng và độ rỗng	TCVN 3112:2022; ASTM C642-06; BS EN 12390-7:09; BS 1881 P.114
14	Phương pháp xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022; ASTM C642-06; BS EN 12390-7:09; BS 1881 P.112
15	Phương pháp xác định độ mài mòn	TCVN 3114:2022
16	Phương pháp xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:2022; ASTM642-6; BS EN 12390-7:09; BS1881 P.114
17	Phương pháp xác định độ chống thấm nước. Phương pháp vết thấm	TCVN 3116:2022; BS EN 12390-8
18	Phương pháp xác định độ co	TCVN 3117:2022
19	Phương pháp xác định cường độ chịu nén	TCVN 3118:2022; ASTM C39; C42; C873;

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
		AASHTO 22; T140; T24; BS 1881 P.119; P116; BS EN 12504-1:09; JIS A 1108; A1107; AS 1012.9:86
20	Phương pháp xác định cường độ chịu kéo khi uốn	TCVN 3119:2022; ASTM C293; C78; AASHTO T97; T177; JIS A 1114:11
21	Phương pháp xác định cường độ chịu kéo khi bẻ	TCVN 3120:2022; ASTM C496-11; AASHTO T198-09; BS EN 12390-6:09; JIS A 1113:06
22	Phương pháp xác định thời gian đông kết.	TCVN 9338:2012; ASTM C403-08; AASHTO T197-11
23	Phương pháp xác định cường độ lắng trụ và môđun đàn hồi khi nén tĩnh	TCVN 5726:2022; ASTM C496; JIS A1127, A1149
24	Thí nghiệm lõi khoan bê tông	AASHTO T24; ASTM C42/C43M
25	Phương pháp xác định cường độ bê tông trên mẫu lấy từ kết cấu	TCVN 12252:2020
26	Hỗn hợp bê tông trộn sẵn. Yêu cầu cơ bản đánh giá chất lượng và nghiệm thu.	TCVN 9340:2012; ASTM C1064; AASHTO T309; JIS A1156
27	Bê tông tự lèn. Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	TCVN 12209:2018; ASTM C1611
28	Xác định cường độ kéo bề mặt và cường độ bám dính bằng kéo trực tiếp (phương pháp kéo đứt)	TCVN 9491:2012; CRD 169:92; ASTM C1583/C1583M-04
29	Phương pháp xác định hàm lượng sunfat	TCVN 9336:2012
30	Xác định độ thấm ion clo bằng phương pháp đo điện lượng	TCVN 9337:2012; ASTM C1202, C1152
31	Thiết kế thành phần cấp phối bê tông	Theo Quyết định số: 778/QĐ-BXD; ACI 211.1:97
THỬ NGHIỆM CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA		
32	Lấy mẫu	TCVN 7572-1:2006;

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
		AASHTO T2
33	Xác định thành phần hạt	TCVN 14135-5:2024; TCVN 7572-2:2006; BS 812 P.103; EN 933-1:12; ASTM C136:06; D546:10; AASHTO T27; T30; T37; JIS A 1102
34	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572:-04:2006, ASTM C127:12; ASTM C128:12; AASHTO T84;T85; BS 812 P2; P3; EN 1097; JIS A 1109; 1110; 1111
35	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006; ASTM C127:12; AASHTO T85-13; BS 812 P2; P3; EN 1097; JIS A 1110
36	Xác định khối lượng thể tích xốp và độ hỏng	TCVN 7572-6:2006; ASTM C29/C29M; AASHTO T19M/T19; EN 1097; BS 812 P2; JIS A1104:06
37	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006; ASTM C566:97; AASHTO T255-00; BS 812 P.109; EN1097; JIS A 1125.
38	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006; ASTM C142; ASTM C117-13; JIS A1137; AASHTO T11-05; BS 812 P.111; EN 1097-5:08; AASHTO T112
39	Xác định hàm lượng tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006; ASTM C40-11;

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
		AASHTO T21-05; JIS A1105:07; JIS A1142:07
40	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006; ASTM D2938:95; BS 812; JIS M0302:00
41	Xác định độ nén đập trong và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006; BS 812 P.110
42	Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy (Los Angeles)	TCVN 7572-12:2006; ASTM C131:06; ASTM C535:09; AASHTO T96:02; AASHTO T327 :09; EN 1092-2 :10; JIS A1121
43	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006; ASTM D4791-10; AASHTO T335:09; EN933; BS 812 P.105; BS 812 P.106
44	Xác định khả năng phản ứng kiềm – silic	TCVN 7572-14:2006; ASTM C1152-04a;C227-10; AASHTO T260-97; JIS A1154:12; JIS A1146:07
45	Xác định hàm lượng Clorua	TCVN 7572-15:2006; EN 1744-5:06.
46	Xác định hàm lượng sunfat và sunfit trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-16:2006; BS 812 P.118
47	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá	TCVN 7572-17:2006; AASHTO T122; BS 812 Part 114; JIS A1126
48	Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18:2006
49	Xác định hàm lượng silic oxit vô định hình	TCVN 7572-19:2006
50	Xác định hàm lượng mica trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-20:2006; BS 812 Part 106
51	Xác định hệ số (ES)	ASTM D2419-2002; AASHTO T176
52	Đất xây dựng công trình thủy lợi- Phương pháp xác định góc nghỉ tự nhiên của đất rời trong	TCVN 8724:2012; ASTM1882-99

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
	phòng thí nghiệm	
53	Xác định lượng vật liệu nhỏ hơn 75 μm bằng phương pháp rửa	TCVN 14135-4:2024; AASHTO T11-05
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ VỮA XÂY DỰNG		
54	Vữa cho bê tông nhẹ	TCVN 3121-1:2022; TCVN 9028:2011; EN 1015-1:99
55	Xác định độ lưu động của vữa; Vữa cho bê tông nhẹ	TCVN 3121-3:2022; TCVN 9028:2011; ASTM C1437:07; EN 1015-3,4:99
56	Xác định khối lượng thể tích vữa tươi; Vữa cho bê tông nhẹ	TCVN 3121-6:2022; TCVN 9028:2011; EN 445:07; EN 1015-6:99
57	Vữa cho bê tông nhẹ	TCVN 3121-8:2022; TCVN 9028:2011
58	Phương pháp xác định thời gian bắt đầu đông kết của vữa tươi; Vữa cho bê tông nhẹ	TCVN 3121-9:2022; TCVN 9028:2011; ASTM C807-08; EN 445-07; EN 1015-9:99
59	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đóng rắn Vữa cho bê tông nhẹ	TCVN 3121-10:2022; TCVN 9028:2011; EN 1015-10:99
60	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-11:2022; ASTM C109-11b; EN 445:07; EN 1015-11:99
61	Xác định cường độ bám dính của vữa đóng rắn trên nền Phương pháp kéo đứt thử độ bám dính nền	TCVN 3121-12:2022; TCVN 9349:2012
62	Xác định hàm lượng ion chloride hòa tan trong nước	TCVN 3121-17:2022
63	Xác định hệ số hút nước do mao dẫn của vữa đóng rắn	TCVN 3121-18:2022
64	Vữa chèn cấp dự ứng lực	TCVN 11971:2018
65	Xác định độ hút nước mẫu vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-18:2022; ASTM C1403-06; EN 1015-18,19:02
VỮA TRỘN SẴN		
66	Vữa xi măng khô trộn sẵn không co	TCVN 9204:2012;

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
	Độ tách nước, độ phát triển cường độ chịu nén, thay đổi chiều dài mẫu vữa đóng rắn ở các tuổi 1, 3, 7, 14 và 28 ngày Thay đổi chiều cao cột vữa tại lúc kết thúc đông kết so với chiều cao ban đầu. Độ trương nở và độ tách nước	ASTM C939 ; ASTM - C109; ASTM - C230; AASHTO T106; AASHTO T160 ; ASTM C490 ; ASTM C939; C940
67	Phương pháp xác định thời gian đông kết và độ ổn định thể tích	TCVN 6017:2015; ASTM C953
SƠN TÍN HIỆU GIAO THÔNG, SƠN PHẢN QUANG NHIỆT DẸO		
68	Vật liệu kẻ đường phản quang. Màu sắc. Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	TCVN 10832:2015; ASTM D6628
69	Sơn và vecni. Phép thử cắt ô	TCVN 2097:2015; ASTM D4541.
70	Sơn. Phương pháp không phá hủy xác định chiều dày màng sơn khô	TCVN 9406:2012; ISO 2808
71	Sơn tín hiệu giao thông. Sơn vạch đường hệ dung môi. Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	TCVN 8787:2018
72	Sơn tín hiệu giao thông. Vật liệu kẻ đường phản quang nhiệt dẻo. Yêu cầu kỹ thuật, phương pháp thử, thi công và nghiệm thu.	TCVN 8791:2018; AASHTO T250
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT TRONG PHÒNG		
73	Phương pháp xác định khối lượng riêng trong phòng thí nghiệm	TCVN 4195:2012; ASTM D854-00; ASTM D5550:06; AASHTO T100:06
74	Phương pháp xác định độ ẩm và độ hút ẩm trong phòng thí nghiệm	TCVN 4196:2012; ASTM D2216-10; ASTM D4959:07
75	Xác định giới hạn chảy, giới hạn dẻo và chỉ số dẻo; Phương pháp xác định giới hạn dẻo và giới hạn chảy trong phòng thí nghiệm	TCVN 14134-4:2024; TCVN 4197:2012; ASTM D4318-00; AASHTO T89; T90
76	Chuẩn bị khô mẫu đất; Chuẩn bị ướt mẫu đất; Xác định thành phần hạt; Phương pháp phân tích thành phần hạt trong phòng thí nghiệm	TCVN 14134-1:2024; TCVN 14134-2:2024; TCVN 14134-3:2024; TCVN 4198:2014; ASTM C136-06; ASTM D1140-00; ASTM D422-63; AASHTO T88; T27; AASHTO T11-05
77	Xác định đương lượng cát	TCVN 14134-5:2024

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
78	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:2012; ASTM D3080:11
79	Phương pháp xác định tính nén lún trong phòng thí nghiệm	TCVN 4200:2012; ASTM D2435; ASTM D3877; ASTM D4546
80	Phương pháp xác định độ chặt tiêu chuẩn trong phòng thí nghiệm; Đất, đá dăm dùng trong công trình giao thông. Đảm nén Proctor	TCVN 4201:2012; TCVN 12790:2020; 22TCN 333:06; ASTM D1557:02; ASTM D698-00a; AASHTO T99; T180; BS1377 P.4
81	Phương pháp xác định khối lượng thể tích trong phòng thí nghiệm	TCVN 4202:2012; ASTM D2937:71
82	Phương pháp xác định tỷ số CBR trong phòng thí nghiệm	TCVN 12792:2020; 22TCN 332- 06; ASTM D1883:07; AASHTO T193:10; BS 1377:90 P.4; JIS A 1211
83	Phương pháp xác định hệ số thấm của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 8723:2012; ASTM D2435-00; JIS A1218
84	Lấy mẫu, bao gói, vận chuyển và bảo quản mẫu Lấy mẫu. Hướng dẫn về thu thập, xử lý và bảo quản mẫu đất ở điều kiện hiếu khí để đánh giá các quá trình hoạt động, sinh khối và tính đa dạng của vi sinh vật trong phòng thí nghiệm	TCVN 2683: 2012; TCVN 7538-6:2010
85	Đất xây dựng - phân loại	TCVN 5747:1993; AASHTO M145 -91(2004)
86	Chất lượng đất, Xác định chất khô và hàm lượng nước theo khối lượng. Phương pháp khối lượng	TCVN 6648:2000; (ISO 11465 : 1993).
87	Phương pháp xác định hàm lượng chất hữu cơ của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 8726:2012; AASHTO T267
88	Phương pháp xác định các đặc trưng tan rã của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 8718:2012
89	Phương pháp xác định các đặc trưng trương nở của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 8719:2012; AASHTO T258; ASTM D 4546-96
90	Phương pháp xác định các đặc trưng co ngót của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 8720:2012; ASTM D427

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
91	Phương pháp xác định khối lượng thể tích khô lớn nhất và nhỏ nhất của đất rời trong phòng thí nghiệm	TCVN 8721:2012
92	Phương pháp xác định tổng hàm lượng và hàm lượng các ion thành phần muối hòa tan của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 8727:2012
93	Xác định tổng hàm lượng muối hòa tan Nền đường ô tô – thi công và nghiệm thu	Phụ lục D TCVN 9436:2012
94	Thạch cao và sản phẩm thạch cao - phương pháp xác định hàm lượng nước liên kết và hàm lượng sunfua trioxit tổng số	TCVN 8654:2011; ASTM C471; ASTM D2216
95	Phương pháp xác định độ bền nén một trục nở hông	TCVN 9438:2012; ASTM2166-01; AASHTO T208
96	Gia cố đất bằng chất kết dính vô cơ, hóa chất hoặc gia cố tổng hợp, sử dụng trong xây dựng đường bộ - Thi công và nghiệm thu; Quy trình thí nghiệm xác định cường độ kéo khi ép chẻ của vật liệu hạt liên kết bằng các chất kết dính; Xác định mô đun đàn hồi của vật liệu đá gia cố chất kết dính vô cơ trong phòng thí nghiệm	TCVN 10379:2014; TCVN 8862:2011; TCVN 9843:2013; ASTM D559:96; ASTM D560:96; ASTM D1633:96
THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHỰA		
97	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:11; ASTM D1559:89; ASTM D6927:15; AASHTO T245:13
98	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay li tâm	TCVN 8860-2:11; ASTM D2172:11; AASHTO T164:13
99	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:11 ASTM C136; AASHTO T172
100	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:11; ASTM D2041:11; AASHTO T209:12
101	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:2011; AASHTO T166:13; AASHTO T275; ASTM D2726:13
102	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:2011; AASHTO T51:00; AASHTO T305:97;

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
		ASTM D1559
103	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011; AASHTO T304:96
104	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011; ASTM D2726; AASHTO T166.
105	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011; ASTM D3203:11; AASHTO T269:11
106	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011; ASTM D3203:11; AASHTO T269:11
107	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011; ASTM D3203; AASHTO T269:11
108	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011; AASHTO T245:97
109	Xác định ảnh hưởng của nước đến hỗn hợp bê tông nhựa đầm chặt	AASHTO T283:03
110	Thiết kế theo phương pháp Marshall	TCVN 8820:2011; AI MS-2:94
111	Phương pháp xác định độ góc cạnh của cốt liệu thô	TCVN 11807:2017
112	Xác định sức kháng trượt của bề mặt đường bằng phương pháp con lăn Anh	TCVN 10271:2014; AASHTO T278; ASTM E5303
113	Hỗn hợp nhựa - Phương pháp thử vệt hằn bánh xe	TCVN-13899-2023; AASHTO T324
114	Phương pháp lấy mẫu	TCVN 7494:2005.
115	Hệ số thấm nước trong phòng	ASTM PS 129.
116	Quy trình thí nghiệm xác định cường độ kéo khi ép chẻ của vật liệu hạt liên kết bằng các chất kết dính	TCVN 8862:2011; ASTM D 6931; BS EN 12697-23; Phụ lục C quyết định 431/QĐ-BGTVT ngày 4/02/2016 BGTVT
117	Tỷ số TSR	AASHTO T283
	NHỰA BI TUM	
118	Phương pháp xác định độ kim lún	TCVN 7495:2005; ASTM D5:06; 22TCN 279-01;

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
		AASHTO T49:06
119	Phương pháp xác định độ kéo dài	TCVN 7496:2005; ASTM D113-07; 22TCN 279-01; AASHTO T51:09
120	Phương pháp xác định điểm hoá mềm (dụng cụ vòng-và-bi)	TCVN 7497:2005, ASTM D36-00; 22TCN 279-01; AASHTO T53:06
121	Phương pháp xác định điểm chớp cháy và điểm cháy bằng thiết bị thử cốc hở Cleveland	TCVN 7498:2005, ASTM D92-02; AASHTO T48:06
122	Phương pháp xác định tổn thất khối lượng sau gia nhiệt	TCVN 7499:2005; ASTM D6-00
123	Phương pháp xác định độ hoà tan trong tricloetylen	TCVN 7500:2005; ASTM D2042:09; AASHTO T44:03
124	Phương pháp xác định khối lượng riêng (phương pháp Pycnometer)	TCVN 7501:2005, ASTM D70-09; 22TCN 279-01; AASHTO T228:09
125	Xác định độ dính bám đối với đá Phương pháp xác định độ bám dính với đá	TCVN 7504:2005; AASHTO T182:84; ASTM D3625:05
126	Phương pháp xác định độ nhớt động	TCVN 7502:2005; AASHTO T201; ASTM D2170; ASTM D2196
127	Xác định hàm lượng paraffin bằng phương pháp chưng cất	TCVN 7503:2005 ; ASTM D 5443 - 04
THỬ NGHIỆM NHỰA ĐƯỜNG LỎNG		
128	Thử nghiệm xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 8818-2:2011
129	Thử nghiệm xác định hàm lượng nước	TCVN 8818-3:2011
130	Thử nghiệm chưng cất	TCVN 8818-4:2011
131	Thử nghiệm xác định độ nhớt tuyệt đối (sử dụng nhớt kế mao dẫn chân không)	TCVN 8818-5:2011; ASTM D2171; AASHTO T201
132	Xác định độ nhớt Saybolt Furol	TCVN 8817-2:2011; ASTMD244:04; AASHTO T59:01
133	Thử nghiệm chưng cất;	TCVN 8817-9:2011;

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
	Thử nghiệm bay hơi	TCVN 8817-10:2011
NHŨ TƯƠNG NHỰA ĐƯỜNG GỐC AXÍT		
134	Xác định độ lắng và độ ổn định lưu trữ	TCVN 8817-3:2011
135	Xác định lượng hạt quá cỡ (Thử nghiệm sàng)	TCVN 8817-4:2011
136	Xác định điện tích hạt	TCVN 8817-5:2011
137	Xác định độ khử nhũ	TCVN 8817-6:2011
138	Xác định độ dính bám và tính chịu nước	TCVN 8817-8:2011
139	Thử nghiệm chung cất	TCVN 8817-9:2011
140	Thử nghiệm bay hơi	TCVN 8817-10:2011
141	Nhận biết nhũ tương nhựa đường axit phân tích nhanh	TCVN 8817-11:2011
142	Nhận biết nhũ tương nhựa đường axit phân tích chậm	TCVN 8817-12:2011
143	Xác định khả năng trộn lẫn với nước	TCVN 8817-13:2011
144	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 8817-14:2011
145	Xác định độ dính bám với cốt liệu tại hiện trường	TCVN 8817-15:2011
146	Thử nghiệm trộn với xi măng	TCVN 8817-7:2011.
NHỰA POLIMER		
147	Phương pháp xác định độ đàn hồi	TCVN 11194:2017; ASTM 6084; AASHTO T301
148	Xác định độ ổn định lưu trữ	TCVN 11195:2017
149	Phương pháp xác định độ nhớt kế brookfield	TCVN 11196:2017
150	Phương pháp xác định độ hòa tan trong Tricloetylen	TCVN 7500:2023
PHỤ GIA HÓA HỌC CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA		
151	Phụ gia hoá học cho bê tông	TCVN 8826:2011; EN 480; JIS A6204; ASTM C494; AASHTO M194;

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
		ASTM C 260-86
PHỤ GIA KHOÁNG HOẠT TÍNH CHO XI MĂNG, BÊ TÔNG VÀ VỮA		
152	Kiểm tra khả năng chống ăn mòn sunfat của phụ gia thông qua thí nghiệm độ giãn nở của vữa, bê tông sử dụng phụ gia Phụ gia khoáng hoạt tính cao dùng cho bê tông và vữa. Silicafume và tro trấu nghiền mịn Phụ gia khoáng cho bê tông đầm lăn	TCVN 8827:2011; TCVN 8825:2011; TCVN 11586:2016; TCVN 4315:2007; ASTM C311, C1240; JIS A6201; EN 14277
THỬ CƠ LÝ BỘT KHOÁNG TRONG BÊ TÔNG NHỰA		
153	Kiểm tra hình dáng bên ngoài Phương pháp thử	TCVN 12884:2020; 22TCN 58-84
154	Bột khoáng; bột khoáng và nhựa đường, xác định: thành phần hạt; hàm lượng mất khi nung; hàm lượng nước; khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ rỗng bột khoáng chất; hệ số hao nước; hàm lượng chất hòa tan trong nước. Xác định khối lượng riêng của bột khoáng chất và nhựa đường; khối lượng thể tích và độ rỗng dư của bột khoáng chất và nhựa đường; độ trương nở của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường; chỉ số hàm lượng nhựa của bột khoáng Phương pháp thử Phương pháp xác định khối lượng riêng của đá trong phòng thí nghiệm	TCVN 12884:2020; TCVN 8735:2012; 22TCN 58-84; AASHTO T27; T100
HIỆN TRƯỜNG		
155	Phương pháp xác định khối lượng thể tích của đất tại hiện trường Phương pháp xác định độ chặt của đất Xác định độ chặt của đất tại hiện trường bằng phương pháp dao đài	TCVN 8729:2012; TCVN 8730:2012 ; TCVN 12791:2020; 22TCN 02:71; AASHTO T204; ASTM D2937
156	Phương pháp xác định độ ẩm của đất tại hiện trường Phương pháp xác định khối lượng thể tích của đất tại hiện trường Phương pháp xác định độ chặt của đất sau đầm nén tại hiện trường	22TCN 346:2006; TCVN 8728:2012; TCVN 8729:2012; TCVN 8730:2012; ASTM D1556 :00; AASHTO T191
157	Xác định độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m Xác định độ bằng phẳng bằng thước dài 3,0 mét	TCVN 8864:2011; ASTM E950:98; ASTM E1082-90(02)
158	Xác định mô đun đàn hồi của nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp sử dụng	TCVN 8861:2011

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
	tấm ép cứng	
159	Xác định mô đun đàn hồi chung của kết cấu bằng cần đo võng Benkelman	TCVN 8867:2011; ASTM D4685:96; AASHTO T256-77
160	Xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát. Thử nghiệm	TCVN 8866:2011; ASTM E965:96
161	Chống sét cho công trình xây dựng. Hướng dẫn thiết kế, kiểm tra và bảo trì hệ thống	TCVN 9385:2012.
162	Phương pháp xác định chỉ số CBR của nền đất và các lớp móng đường bằng vật liệu rời tại hiện trường	TCVN 8821:2011; ASTM D4429; BS 1377 part 9-4.3
163	Phương pháp xác định mô đun biến dạng tại hiện trường bằng tấm nén phẳng	TCVN 9354:2012
164	Phương pháp thử không phá hủy. Xác định cường độ nén sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nảy	TCVN 9335:2012; ASTM C850M-08; ASTM C597-09; EN12504-1:12
165	Cọc. Phương pháp thử nghiệm hiện trường bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012
166	Thí nghiệm biến dạng nhỏ PIT Kiểm tra khuyết tật bằng phương pháp động biến dạng nhỏ	TCVN 9397:2012; ASTM D 5882-00
167	Phương pháp điện từ xác định chiều dày lưới bê tông bảo vệ, vị trí và đường kính cốt thép trong bê tông	TCVN 3956:2012
168	Công tác trắc địa trong xây dựng công trình	TCVN 9398:2012
169	Phương pháp xác định cường độ nén bằng súng bật nảy	TCVN 9334:2012
170	Ống bê tông cốt thép thoát nước	TCVN 9113:2012
171	Cọc bê tông ly tâm ứng lực trước	TCVN 7888:2014; JISS A5335
172	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT	TCVN 9351:2012.
173	Kiểm tra sức chịu tải của neo và bulông trong bê tông	BS 1881 -207:1992
174	Phương pháp thí nghiệm xuyên tĩnh	TCVN 9352:2012
175	Thí nghiệm xuyên động	ASTM D6951
176	Thí nghiệm cọc khoan nhồi bằng phương pháp xung siêu âm	TCVN 9396:2012; ASTM D6760:14
177	Thí nghiệm cọc bằng phương pháp biến dạng lớn PDA	ASTM D4945-12; TCVN 11321:2016

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
	Phương pháp thử động biến dạng lớn	
178	Quy trình kỹ thuật xác định độ lún công trình dân dụng và công nghiệp bằng phương pháp đo cao hình học	TCVN 9360:2012
179	Kiểm tra khả năng cốt thép bị ăn mòn. Phương pháp điện thế	TCVN 9348:2012
180	Thí nghiệm cắt cánh hiện trường cho đất dính	TCVN 10184:2021; 22TCN 355:2006
181	Phương pháp xác định độ thấm nước của đất bằng thí nghiệm đổ nước trong hố đào và trong hố khoan tại hiện trường	TCVN 8731:2012.
182	Xác định cường độ kéo nhỏ giữa cốt thép, bu long và bê tông	TCVN 9490:2012; ASTM C900-06
183	Cống hộp: Kiểm tra khuyết tật ngoại quan, sai lệch kích thước, chiều dày lớp bê tông bảo vệ cốt thép, độ vuông góc của ống, khả năng chịu tải, mối liên kết, cường độ bê tông, độ chống thấm nước; Cổng hộp bê tông cốt thép	TCVN 9116:2012; ASTM C76
184	Ống bê tông cốt thép: Kiểm tra khuyết tật ngoại quan, sai lệch kích thước, chiều dày lớp bê tông bảo vệ cốt thép, độ vuông góc của ống, khả năng chịu tải, mối liên kết, cường độ bê tông, độ chống thấm nước Ống bê tông cốt thép thoát nước	TCVN 9113:2012; ASTM C76
185	Phương pháp xác định mô đun biến dạng tại hiện trường bằng tấm nén phẳng	TCVN 9354:2012; ASTM D1194
186	Đánh giá độ bền của các bộ phận kết cấu chịu uốn trên công trình bằng phương pháp thí nghiệm chất tải tĩnh	TCVN 9344:2012
187	Quy trình đo áp lực nước lỗ rỗng trong đất	TCVN 8869:2011
DUNG DỊCH BENTONITE		
188	Xác định tỉ trọng Cọc khoan nhồi. Thi công và nghiệm thu	TCVN 9395:2012; TCVN 11893:2017; ASTM D4380
189	Phương pháp thử xác định độ nhớt biểu kiến; xác định lực cắt tĩnh; xác định độ nhớt dẻo	TCVN 11893:2017; API RP 13B
190	Phương pháp thử xác định hàm lượng cát	TCVN 11893:2017; ASTM D4381
191	Phương pháp thử xác định tỷ lệ chất keo	TCVN 9395:2012; TCVN 11893:2017; API RP 13B-1

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
192	Phương pháp thử xác định lượng mất nước	TCVN 11893:2017; API RP 13B-1
193	Phương pháp thử Xác định độ dày áo sét Cọc khoan nhồi. Thi công và nghiệm thu	TCVN 9395:2012; TCVN 11893:2017; API RP 13B-1
194	Phương pháp thử Xác định độ PH Cọc khoan nhồi. Thi công và nghiệm thu	TCVN 9395:2012; TCVN 11893:2017; API 13B; ASTM D1293
195	Phương pháp thử Xác định độ nhớt bằng phễu Marsh	TCVN 11893:2017; ASTM D6910:09.
196	Phương pháp thử Xác định độ ẩm	TCVN 11893:2017; ASTM 2261:10.
KIỂM TRA THÉP, KIM LOẠI, MỎI HÀN		
197	Phương pháp thử ở nhiệt độ phòng Thanh, đánh và dây dùng làm cốt	TCVN 197:2014; (ISO 6892:98); TCVN 7937-1:2013; (ISO 15630-1); ASTM A370:11; ASTM E8/E8M; AASHTO T68:09; BS EN 10002:01; JIS Z2241:11; AS 1302:07
198	Thử uốn Thanh, đánh và dây dùng làm cốt	TCVN 198:2008; TCVN 7937-1:2013; (ISO 15630-1); ASTM A370:11; ASTM A90/A90M; ASTM E885; JIS Z2248:08; BS EN 4449:06; AS 1302:07
199	Cáp dự ứng lực (cường độ, độ giãn dài, độ tụt neo, modul đàn hồi), kiểm tra hệ thống cáp dự ứng lực trước	ASTM A370; ASTM A416; ASTM E18.
200	Thử phá hủy mối hàn vật liệu kim loại. Thử uốn.	TCVN 5401:2010
201	Kiểm tra chất lượng mối hàn-Thử kéo	TCVN 5403:2010
202	Thử kéo bulong - Đai ốc trên đệm nghiêng Bulông, vít, vít cấy và đai ốc. Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 1916:1995; ASTM A370:2002; ASTM F606

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
203	Kiểm tra chất lượng hàn ống - Thử phá hủy mối hàn trên vật liệu kim loại. Thử va đập. Vị trí mẫu thử, hướng rãnh khía và kiểm tra	TCVN 5402:2010
204	Thử phá hủy mối hàn trên vật liệu kim loại. Thử kéo ngang	TCVN 8310:2010
205	Thử phá hủy mối hàn trên vật liệu kim loại. Thử kéo dọc kim loại mối hàn trên mối hàn nóng chảy	TCVN 8311:2010
206	Thử nghiệm ống kim loại	ASTM A53
207	Kiểm tra không phá hủy – Phương pháp thăm thấu	TCVN 4617:1988; ASTM E165:03
208	Thép cốt bê tông – mối nối bằng ống ren	TCVN 1371-2023; ISO 13585-2018
209	Kiểm tra không phá hủy – Phương pháp dùng bột từ	TCVN 4396:1986; ASTM E709:01; ASTM E1444:05
210	Kiểm tra sức chịu tải của nắp hồ ga	BS EN 124:94
211	Thép làm cốt bê tông và bê tông dự ứng lực - Phương pháp thử - Phần 1: Thanh, dây và sợi làm cốt ; Lưới thép hàn dùng trong kết cấu bê tông cốt thép. Tiêu chuẩn thiết kế, thi công lắp đặt và nghiệm thu ; Dây thép vuốt nguội để làm cốt bê tông và sản xuất lưới thép hàn làm cốt	TCVN 7937-1:2009; TCVN 9391:2012; TCVN 6288:1997; ASTM A370:94; ASTM A416:93
212	Kiểm tra chiều dày lớp mạ	ASTM A123; ASTM A153
213	Độ cứng xác định theo phương pháp Brinell (HB) vật liệu kim loại - thử độ cứng Brinell	TCVN 256-1:2006; TCVN 256-2:2006; TCVN 256-3:2006; ASTM E10-14
214	Độ cứng xác định theo phương pháp Rockwell (HR)	TCVN 257:2007; ASTM E18; ASTM D785.
215	Thép thanh cốt bê tông. Thử uốn và uốn lại không hoàn toàn	TCVN 6287:1997
VÀI ĐỊA KỸ THUẬT, BẮC THẨM		
216	Phương pháp xác định độ dày danh định	TCVN 8220:2009; ASTM D5199
217	Phương pháp xác định khối lượng trên đơn vị diện tích	TCVN 8221:2009; ASTM D5261
218	Xác định kích thước lỗ biểu kiến bằng phép thử	TCVN 8871-6:2011;

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
	sàng khô	ASTM D4751
219	Phương pháp xác định kích thước lỗ lọc bằng phép thử sàng ướt	TCVN 8486:2010
220	Phương pháp xác định cường độ chịu kéo và độ giãn dài	TCVN 8485:2010; ASTM D4595
221	Xác định lực xuyên thủng CBR	TCVN 8871-3:2011; ASTM D6241
222	Phương pháp xác định sức bền kháng thủng bằng phép thử roi côn	TCVN 8484:2010
223	Xác định lực kháng xuyên thủng thanh của vải địa kỹ thuật	TCVN 8871-4:2011; ASTM D4833
224	Xác định lực xé rách hình thang của vải địa kỹ thuật	TCVN 8871-2:2011; ASTM D4533.
225	Phương pháp xác định độ thấm xuyên	TCVN 8487:2010; ASTM D4491.
226	Xác định khả năng thấm đứng	ASTM D4491
227	Phương pháp xác định cường độ chịu kéo của mối nối	TCVN 9138:2012; ASTM D2256
228	Xác định lực kéo giật và độ giãn dài kéo giật	TCVN 8871-1:2011; ASTM D4632
229	Xác định áp lực kháng bụi	TCVN 8871-5:2011; ASTM D3786.
230	Phương pháp xác định độ dẫn nước	TCVN 8483:2010; ASTM D4716
231	Xác định khả năng chịu nén	ASTM D1621
232	Phương pháp xác định cường độ chịu kéo của mối nối	TCVN 9138:2012; ASTM D4884
233	Phương pháp xác định khả năng chịu tia cực tím, nhiệt độ và độ ẩm.	TCVN 8482:2010; ASTM D4353
234	Xác định khả năng chống nấm mốc của bắc thấm	ASTM G21
235	Xác định khả năng gia tải của bắc thấm	ASTM D4716
236	Xác định khả năng chống UV, 500 giờ	ASTM D4355
237	Phương pháp xác định đường kính trên dụng cụ đo độ dày	TCVN 5241:1990; ASTM D204.
RỢ ĐÁ, THẨM ĐÁ, DÂY THÉP BỌC NHỰA		
238	Mạ kim loại. Các phương pháp kiểm tra Dây thép mạ kẽm thông dụng	TCVN 4392:1986; TCVN 2053:1993; ASTM D1242
239	Xác định độ cứng dây đai; khối lượng riêng dây đai và vỏ bọc, đường kính lõi thép	ASTM D2240; ASTM D792

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
240	Xác định kích thước dây bọc, dây viền mạ kẽm, độ bền chịu kéo, mô đun đàn hồi và độ giãn dài	ASTM D412
241	Dây kim loại. Phương pháp thử kéo	TCVN 1824:1993
THỬ NGHIỆM DÂY ĐIỆN VÀ CÁP ĐIỆN		
242	Ruột dẫn của cáp cách điện	TCVN 6610:2014; TCVN 6612:2007
243	Xác định chiều dày lớp các điện, chiều dày vỏ bọc	TCVN 5935:2013
244	Thử kéo	TCVN 7305:2008
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH ỐP LÁT, ĐÁ ỐP LÁT		
245	Xác định kích thước và chất lượng bề mặt	TCVN 6415-2:2016; TCVN 4732:2007
246	Xác định độ hút nước, độ xốp biểu kiến, khối lượng riêng tương đối và khối lượng thể tích	TCVN 6415-3:2005; TCVN 4732:2007
247	Phương pháp xác định độ bền uốn và lực uốn gãy	TCVN 6415-4:2016; TCVN 4732:2007
248	Xác định độ bền rạn men đối với gạch men	TCVN 6415-11:2016; TCVN 4732:2007
249	Xác định độ cứng bề mặt theo thang mohs	TCVN 6415-18:2016; TCVN 4732:2007
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH TERAZO		
250	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan Xác định độ hút nước bề mặt Xác định độ bền uốn	TCVN 7744:2013
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH XÂY		
251	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan.	TCVN 6355-1:2009
252	Xác định cường độ nén	TCVN 6355-2:2009
253	Xác định cường độ uốn	TCVN 6355-3:2009
254	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009
255	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:2009
256	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:2009
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BÊ TÔNG		

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
257	Kiểm tra kích thước hình học và khuyết tật ngoại quan; Xác định cường độ nén; Xác định độ hút nước; Xác định khối lượng thể tích, độ thấm nước	TCVN 6477:2016
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN		
258	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan Xác định cường độ nén Xác định độ hút nước Xác định độ mài mòn	TCVN 6476:1999
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH, ĐÁ ÓP LÁT TỰ NHIÊN		
259	Xác định kích thước và chất lượng bề mặt	TCVN 6415-2:2005
260	Xác định độ hút nước, độ xốp biểu kiến, khối lượng riêng tương đối và khối lượng thể tích	TCVN 6415-3:2005
261	Xác định độ bền uốn và lực uốn gãy	TCVN 6415-4:2005
262	Xác định độ bền mài mòn bề mặt đối với gạch phủ men	TCVN 6415-7:2005
263	Xác định độ bền mài mòn sâu đối với gạch không phủ men	TCVN 6415-6:2005
264	Đá ốp lát tự nhiên	TCVN 4732:2007
THÍ NGHIỆM ỐNG NHỰA PVC, PP, PE, PPR, HDPE VÀ PHỤ KIỆN ỐNG		
265	Phương pháp xác định kích thước Phương pháp thử và các thông số	TCVN 6145:2007; TCVN 6148:2007
266	Xác định độ bền va đập	TCVN 6144:2003
267	Xác định độ bền áp suất bên trong	TCVN 6149-1:2007
268	Xác định độ bền kéo	TCVN 7434-3:2004
269	Băng chặn nước PVC: xác định cường độ chịu kéo và độ giãn dài khi đứt Vật liệu chống thấm. Băng chặn nước PVC	TCVN 9407:2014
NƯỚC XÂY DỰNG		
270	Xác định hàm lượng cặn không hòa tan Phương pháp xác định hàm lượng cặn Xác định hàm lượng muối hòa tan	TCVN 4560:1988; AASHTO T26-79
271	Xác định độ PH	TCVN 6492:2011.

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
272	Chất lượng nước. Xác định clorua. Chuẩn độ bạc nitrat với chỉ thị cromat (phương pháp mo) Xác định hàm lượng ion Sunfat SO_4^{2-} Chất lượng nước. Xác định sunfat. Phương pháp trọng lượng sử dụng bari clorua	TCVN 6194:1996; ASTM D512-04
273	Phương pháp xác định hàm lượng chất hữu cơ	TCVN 2671:1978
274	Xác định màu nước quan sát bằng mắt thường Xác định vẩn dầu mỡ quan sát bằng mắt thường, Nước cho bê tông và vữa. Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 4506:2012
VẬT LIỆU TÁI CHẾ NGUỘI TẠI CHỖ DÙNG CHO KẾT CẤU ÁO ĐƯỜNG Ô TÔ		
275	Cường độ chịu nén. Tái chế sâu sử dụng xi măng hoặc xi măng và nhũ tương nhựa đường	TCVN 13150-1:2020
276	Biến dạng chính. Tái chế sâu sử dụng nhựa đường bột và xi măng	TCVN 13150-2:2020
277	Cường độ chịu nén còn lại, Tái chế nông sử dụng nhựa đường bột và xi măng	TCVN 13150-3:2020
278	Cường độ kéo khi ép chế ở 25°C, trạng thái khô, Cường độ kéo khi ép chế ở 25°C, trạng thái ướt, Cường độ kéo khi ép chế ở 25°C, trạng thái độ ẩm cân bằng; Hệ số cường độ kéo khi ép chế; Quy trình thí nghiệm xác định cường độ kéo khi ép chế của vật liệu hạt liên kết bằng các chất kết dính	TCVN 8862:2011
279	Tỷ lệ giãn nở nhỏ nhất Tái chế sâu sử dụng xi măng hoặc xi măng và nhũ tương nhựa đường	TCVN 13150-1:2020
280	Chu kỳ bán hủy ngắn nhất Tái chế sâu sử dụng nhựa đường bột và xi măng	TCVN 13150-2:2020
CÁC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM TRO XỈ LÀM VẬT LIỆU SAN LẤP		
281	Xác định thông số kiểm soát trong nước chiết từ tro xỉ nhiệt điện, hỗn hợp tro xỉ nhiệt điện Tro xỉ nhiệt điện đốt than làm vật liệu san lấp. Yêu cầu chung	TCVN 12249:2018.
282	Phương pháp xác định các đặc trưng trương nở của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 8719:2012
283	Tro xỉ nhiệt điện đốt than làm vật liệu san lấp. Yêu cầu chung	TCVN 12249:2018

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
	TIÊU CHUẨN THỬ NGHIỆM TRO BAY LÀM PHỤ GIA KHOÁNG CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA	
284	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006
285	Xi măng poóc lăng. Phương pháp phân tích hoá học	TCVN 141:2008
286	Xác định hàm lượng SiO ₂ . Đất sét - Phương pháp phân tích hoá học	TCVN 7131:2016
287	Xác định lượng sót trên sàng 75mm Chỉ số hoạt tính đối với xi măng A Phụ gia khoáng hoạt tính cao dùng cho bê tông và vữa. Silicafume và tro trấu nghiền mịn	Phụ lục A, TCVN 8827:2011
288	Khối lượng riêng, Xi măng – Phương pháp xác định độ mịn	TCVN 13605:2023

PHỤ LỤC 2
DANH MỤC DỤNG CỤ, MÁY MÓC THIẾT BỊ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CÔNG BỐ
(Kèm theo Công bố số: 01/CBNL-2026 ngày 07/04/2026 của Công ty CP công trình Tây Nguyên)

A. Phòng thí nghiệm 201 Nguyễn Sinh Sắc, phường Kon Tum, tỉnh Quảng Ngãi

TT	Loại thiết bị	Xuất xứ	Số lượng	Ngày kiểm định/Hiệu chuẩn	Nơi đặt
I	Thiết bị thí nghiệm đất,cát,Cáp phối đá dăm ,vải địa,bác thám				
1	Hộp độ ẩm có nắp loại nhỏ	Trung quốc	06		PTN 201 Nguyễn Sinh Sắc, phường Kon Tum
2	Thiết bị TN giới hạn chảy casagrade	Trung quốc	01		PTN 201 Nguyễn Sinh Sắc, phường Kon Tum
3	Thiết bị TN giới hạn dẻo casagrade	Trung quốc	01		PTN 201 Nguyễn Sinh Sắc, phường Kon Tum
4	Bình thủy tinh tam giác 1000ml, 2000ml	Trung quốc	01		PTN 201 Nguyễn Sinh Sắc, phường Kon Tum
5	Ổng đóng 1000ml, 500ml, 200ml, 100ml	Trung quốc	01		PTN 201 Nguyễn Sinh Sắc, phường Kon Tum
6	Cốc thủy tinh định mức 50ml, 500ml	Trung quốc	02		PTN 201 Nguyễn Sinh Sắc, phường Kon Tum
7	Nhiệt kế	Trung quốc	01		PTN 201 Nguyễn Sinh Sắc, phường Kon Tum
8	Bộ cối chày sứ + cao su	Trung quốc	01		PTN 201 Nguyễn Sinh Sắc, phường Kon Tum
9	Máy CBR và đồng hồ	Việt Nam	1	17/01/2026	PTN 201 Nguyễn Sinh Sắc, phường Kon Tum
10	Khuôn CBR - tương nờ (đủ bộ)	Việt Nam	30		PTN 201 Nguyễn Sinh Sắc, phường Kon Tum
11	Vòng lực 60 KN	Trung Quốc	1	17/01/2026	PTN 201 Nguyễn Sinh Sắc, phường Kon Tum
12	Vòng lực 30 KN	Trung Quốc	1	17/01/2026	PTN 201 Nguyễn Sinh Sắc, phường Kon Tum
13	Cối poctor 2.5kg (đảm chuẩn)	Việt Nam	2		PTN 201 Nguyễn Sinh Sắc, phường Kon Tum
14	Cối poctor cải tiến (đảm chuẩn)	Việt Nam	2		PTN 201 Nguyễn Sinh Sắc, phường Kon Tum
15	Búa cao su	Việt Nam	4		PTN 201 Nguyễn Sinh Sắc, phường Kon Tum
16	Bộ dao vòng xác định độ chặt K	Việt Nam	3		PTN 201 Nguyễn Sinh Sắc, phường Kon Tum
17	Bộ đo E tám ép D76, D61, D46, D33	Trung Quốc	1	17/01/2026	PTN 201 Nguyễn Sinh Sắc, phường Kon Tum
18	Bộ đo K băng phễu rót cát	Trung Quốc	5		PTN 201 Nguyễn Sinh Sắc, phường Kon Tum



TT	Loại thiết bị	Xuất xứ	Số lượng	Ngày kiểm định/Hiệu chuẩn	Nơi đặt
19	Thước đo độ bằng phẳng 3m (inóc)	Trung Quốc	1		PTN 201 Nguyễn Sinh Sắc, phường Kon Tum
20	Máy đầm tự động Proctor + CBR	Trung Quốc	1	17/01/2026	PTN 201 Nguyễn Sinh Sắc, phường Kon Tum
II	Thiết bị thí nghiệm cơ lý bê tông Các thiết bị thí nghiệm xi măng, cát, đá , thép				
21	Máy nén bê tông TYA 2000	Trung Quốc	1	17/01/2026	PTN 201 Nguyễn Sinh Sắc, phường Kon Tum
22	Máy thử thấm bê tông	Trung Quốc	1	17/01/2026	PTN 201 Nguyễn Sinh Sắc, phường Kon Tum
23	Máy kéo uốn thép vụn năng WE – 1000B	Trung Quốc	1	17/01/2026	PTN 201 Nguyễn Sinh Sắc, phường Kon Tum
24	Sàng thử độ mịn XM(0,09mm+0,045mm)	Trung Quốc	1		PTN 201 Nguyễn Sinh Sắc, phường Kon Tum
25	Thiết bị vika xi măng	Việt Nam	1		PTN 201 Nguyễn Sinh Sắc, phường Kon Tum
26	Bàn dẫn tạo mẫu	Việt Nam	1		PTN 201 Nguyễn Sinh Sắc, phường Kon Tum
27	Đồng hồ bấm giây	Việt Nam	1		PTN 201 Nguyễn Sinh Sắc, phường Kon Tum
28	Chảo + bay tròn	Việt Nam	1		PTN 201 Nguyễn Sinh Sắc, phường Kon Tum
29	Máy dẫn tạo mẫu xi măng tự động	Trung Quốc	1		PTN 201 Nguyễn Sinh Sắc, phường Kon Tum
30	Máy trộn vữa XM	Trung Quốc	1	17/01/2026	PTN 201 Nguyễn Sinh Sắc, phường Kon Tum
31	Khuôn đúc mẫu XM 40x40x160mm	Trung Quốc	9		PTN 201 Nguyễn Sinh Sắc, phường Kon Tum
32	Máy thử độ bền nén 300KN - xi măng	Trung Quốc	1	17/01/2026	PTN 201 Nguyễn Sinh Sắc, phường Kon Tum
33	Tủ bảo ôn	Trung Quốc	1	17/01/2026	PTN 201 Nguyễn Sinh Sắc, phường Kon Tum
34	Khuôn xác định độ nở XM	Trung Quốc	9		PTN 201 Nguyễn Sinh Sắc, phường Kon Tum
35	Bộ gá chõm cầu thử nén XM	Trung Quốc	1		PTN 201 Nguyễn Sinh Sắc, phường Kon Tum
36	Bộ gá chõm cầu thử uốn XM	Việt Nam	1		PTN 201 Nguyễn Sinh Sắc, phường Kon Tum
37	Bình đo khối lượng riêng XM -Cát - Đá	Việt Nam	1		PTN 201 Nguyễn Sinh Sắc, phường Kon Tum
38	Thùng rửa cát 2 vôi (TN bùn sét)	Việt Nam	1		PTN 201 Nguyễn Sinh Sắc, phường Kon Tum
39	Thùng rửa đá 2 vôi (TN bùn sét)	Việt Nam	1		PTN 201 Nguyễn Sinh Sắc, phường Kon Tum
40	Thùng chia mẫu Đá + CPDD	Việt Nam	1		PTN 201 Nguyễn Sinh Sắc, phường Kon Tum
41	Thùng chia mẫu cát	Việt Nam	1		PTN 201 Nguyễn Sinh Sắc, phường Kon Tum

TT	Loại thiết bị	Xuất xứ	Số lượng	Ngày kiểm định/Hiệu chuẩn	Nơi đặt
42	Bảng thang màu chuẩn	Việt Nam	1		PTN 201 Nguyễn Sinh Sắc, phường Kon Tum
43	Bộ Thùng đóng KLTT xốp Cát, Đá V 2L, 5L, 10L, 20L	Việt Nam	1		PTN 201 Nguyễn Sinh Sắc, phường Kon Tum
44	Bộ xi lanh thử nén đập đá D75; D150mm	Trung Quốc	1		PTN 201 Nguyễn Sinh Sắc, phường Kon Tum
45	Máy thử độ mài mòn đá Losangeles có bộ đếm tự động.	Trung Quốc	1	17/01/2026	PTN 201 Nguyễn Sinh Sắc, phường Kon Tum
46	Côn thử độ sụt bê tông	Trung Quốc	6		PTN 201 Nguyễn Sinh Sắc, phường Kon Tum
47	Khuôn đúc mẫu bê tông 150x300mm	Trung Quốc	120		PTN 201 Nguyễn Sinh Sắc, phường Kon Tum
48	Khuôn đúc mẫu bê tông 150x600mm	Việt Nam	12		PTN 201 Nguyễn Sinh Sắc, phường Kon Tum
49	Máy trộn bê tông 150L	Nga	1		PTN 201 Nguyễn Sinh Sắc, phường Kon Tum
50	Máy khoan mẫu bê tông	Trung Quốc	1		PTN 201 Nguyễn Sinh Sắc, phường Kon Tum
51	Thiết bị thử độ linh động của vữa	Trung Quốc	1		PTN 201 Nguyễn Sinh Sắc, phường Kon Tum
52	Bình hút ẩm + bình giữ ẩm	Trung Quốc	1		PTN 201 Nguyễn Sinh Sắc, phường Kon Tum
III Thiết bị thí nghiệm các chỉ tiêu của hỗn hợp bê tông nhựa					
53	Máy đầm tạo mẫu Marshall	Việt Nam	1		PTN 201 Nguyễn Sinh Sắc, phường Kon Tum
54	Khuôn Marshall	Việt Nam	30		PTN 201 Nguyễn Sinh Sắc, phường Kon Tum
55	Máy nén Marshall điện tử	Trung Quốc	1	14/07/2025	PTN 201 Nguyễn Sinh Sắc, phường Kon Tum
56	Máy nén Marshall, CBR điện tử	Trung Quốc	1	14/07/2025	PTN 201 Nguyễn Sinh Sắc, phường Kon Tum
57	Bể ổn nhiệt Marshall	Việt Nam	1	14/07/2025	PTN 201 Nguyễn Sinh Sắc, phường Kon Tum
58	Máy chiết nhựa theo pp quay ly tâm	Trung Quốc	1	14/07/2025	PTN 201 Nguyễn Sinh Sắc, phường Kon Tum
59	Thiết bị xác định nhiệt độ hóa mềm của nhựa	Trung Quốc	1	14/07/2025	PTN 201 Nguyễn Sinh Sắc, phường Kon Tum
60	Thiết bị xác định độ kim lún của nhựa	Trung Quốc	1	14/07/2025	PTN 201 Nguyễn Sinh Sắc, phường Kon Tum

TT	Loại thiết bị	Xuất xứ	Số lượng	Ngày kiểm định/Hiệu chuẩn	Nơi đặt
61	Thiết bị trộn bê tông nhựa nóng	Trung Quốc	1	17/01/2026	PTN 201 Nguyễn Sinh Sắc, phường Kon Tum
62	Thiết bị xác định độ bất lửa nhựa	Trung Quốc	1	17/01/2026	PTN 201 Nguyễn Sinh Sắc, phường Kon Tum
63	Thiết bị xác định tỷ trọng	Việt Nam	1	14/07/2025	PTN 201 Nguyễn Sinh Sắc, phường Kon Tum
64	Thiết bị xác định hàm lượng parafin	Trung Quốc	1	17/01/2026	PTN 201 Nguyễn Sinh Sắc, phường Kon Tum
65	Máy dẫn dài nhựa	Trung Quốc	1	17/01/2026	PTN 201 Nguyễn Sinh Sắc, phường Kon Tum
66	Máy kiểm tra vết hằn bánh xe	Trung Quốc	1	17/01/2026	PTN 201 Nguyễn Sinh Sắc, phường Kon Tum
67	Bộ dụng cụ đo độ tổn thất nhựa khi nung	Trung Quốc	1		PTN 201 Nguyễn Sinh Sắc, phường Kon Tum
68	Bộ dụng cụ đo E bằng cân Benkeman	Trung Quốc	1	17/01/2026	PTN 201 Nguyễn Sinh Sắc, phường Kon Tum
69	Bộ dụng cụ đo sức kháng trượt bằng Con lắc anh	Trung Quốc	1	17/01/2026	PTN 201 Nguyễn Sinh Sắc, phường Kon Tum
70	Bộ dụng cụ đo độ nhám mặt đường	Trung Quốc	1		PTN 201 Nguyễn Sinh Sắc, phường Kon Tum
71	Máy khoan lấy lõi bê tông	Trung Quốc	1		PTN 201 Nguyễn Sinh Sắc, phường Kon Tum
IV	Thiết bị sử dụng chung				
72	Tủ sấy 300°C 101 – 1A(TQ)	Trung Quốc	2	17/01/2026	PTN 201 Nguyễn Sinh Sắc, phường Kon Tum
73	Bộ sàng TN đất: 75, 50, 25, 19, 9.25, 4.75, 2.00, 0.425, 0.075	Trung Quốc	1		PTN 201 Nguyễn Sinh Sắc, phường Kon Tum
74	Bộ sàng TN đá: 40;25;20;15;10 ; 5 ; 1.7	Trung Quốc	1		PTN 201 Nguyễn Sinh Sắc, phường Kon Tum
75	Bộ sàng cát: 2,5 ; 1,25 ; 0,63 ; 0,314 ; 0,14	Trung Quốc	1		PTN 201 Nguyễn Sinh Sắc, phường Kon Tum
76	Bộ sàng cấp phối đá dăm: 37,5 ; 25 ; 12,5 ; 4,75 ; 2 ; 0,425 ; 0,075	Trung Quốc	1		PTN 201 Nguyễn Sinh Sắc, phường Kon Tum
77	Bộ sàng TPH hỗn hợp bê tông nhựa 19; 16; 12,5; 9,5; 4,75; 2,36; 1,18; 0,6; 0,3; 0,15; 0,075	Trung Quốc			PTN 201 Nguyễn Sinh Sắc, phường Kon Tum

TT	Loại thiết bị	Xuất xứ	Số lượng	Ngày kiểm định/Hiệu chuẩn	Nơi đặt
78	Bộ thí nghiệm đương lượng cát	Việt Nam	1		PTN 201 Nguyễn Sinh Sắc, phường Kon Tum
79	Dụng cụ đo hấp phụ nước của cát	Trung Quốc	1		PTN 201 Nguyễn Sinh Sắc, phường Kon Tum
80	Bình trụ thủy tinh định mức 250ml	Trung Quốc	1		PTN 201 Nguyễn Sinh Sắc, phường Kon Tum
81	Đũa thủy tinh	Trung Quốc	1		PTN 201 Nguyễn Sinh Sắc, phường Kon Tum
82	Thước kẹp 200mm	Trung Quốc	1		PTN 201 Nguyễn Sinh Sắc, phường Kon Tum
83	Máy cưa cắt mẫu đá, cắt thép	Trung Quốc	1		PTN 201 Nguyễn Sinh Sắc, phường Kon Tum
84	Bộ thí nghiệm Bentonight	Trung Quốc	1	17/01/2026	PTN 201 Nguyễn Sinh Sắc, phường Kon Tum
85	Cân 30kg 0,1g	Mỹ	2	17/01/2026	PTN 201 Nguyễn Sinh Sắc, phường Kon Tum
86	Cân 6.2kg 0.01g	Nhật	1	17/01/2026	PTN 201 Nguyễn Sinh Sắc, phường Kon Tum
87	Tủ đựng hồ sơ	Việt Nam	1		PTN 201 Nguyễn Sinh Sắc, phường Kon Tum
88	Giá đỡ thiết bị thí nghiệm	Việt Nam	2		PTN 201 Nguyễn Sinh Sắc, phường Kon Tum
89	Bàn làm việc	Việt Nam	3		PTN 201 Nguyễn Sinh Sắc, phường Kon Tum
90	Bề ngâm mẫu		2		PTN 201 Nguyễn Sinh Sắc, phường Kon Tum
91	Máy tính	Việt Nam	3		PTN 201 Nguyễn Sinh Sắc, phường Kon Tum

B. Trạm thí nghiệm hiện trường Ấp Vĩnh Phong, tỉnh An Giang

TT	Loại thiết bị	Xuất xứ	Số lượng	Ngày Kiểm định/Hiệu chuẩn	Nơi đặt
1	Máy kiểm tra đa năng điện tử Model: WDW -100	Trung Quốc	01	07/05/2025	Trạm thí nghiệm hiện trường – An Giang

2	Ngâm kẹp cho thí nghiệm kéo đứt và độ giãn dài – ASTM D4595, TCVN 8485 cho mẫu chiều rộng 200mm	Việt Nam	01	07/05/2025	Trạm thí nghiệm hiện trường – An Giang
3	Ngâm kẹp mẫu có chiều rộng 100mm cường độ kéo giựt và độ giãn - ASTM D4632-TCVN 8871	Việt Nam	01	07/05/2025	Trạm thí nghiệm hiện trường – An Giang
4	Cường độ xé rách hình thang ASTM 4533, TCVN8871-Việt Nam	Việt Nam	01	07/05/2025	Trạm thí nghiệm hiện trường – An Giang
5	Cường độ xuyên thùng thanh – ASTM 4833, TCVN 4871	Việt Nam	01	07/05/2025	Trạm thí nghiệm hiện trường – An Giang
6	CBR-ASTM D6241, ISO 12236, TCVN 8871	Việt Nam	01	07/05/2025	Trạm thí nghiệm hiện trường – An Giang
7	Bộ ngàm thí nghiệm lô cuộn vải địa cường độ cao	Việt Nam	01		Trạm thí nghiệm hiện trường – An Giang
8	Bộ gói đa năng có thể điều chỉnh được khoảng cách	Việt Nam	01		Trạm thí nghiệm hiện trường – An Giang
9	Máy thử thấm vải địa (thấm dọc)	Việt Nam	01	07/05/2025	Trạm thí nghiệm hiện trường – An Giang
10	Máy đo kích thước lỗ vải địa	Trung Quốc	01	07/05/2025	Trạm thí nghiệm hiện trường – An Giang
11	Thiết bị cường độ kháng bức của vải địa	Việt Nam	01	07/05/2025	Trạm thí nghiệm hiện trường – An Giang
12	Thiết bị đo chiều dày của vải địa kỹ thuật và bác thấm. Đĩa nén tiêu chuẩn, 2 quả nặng tiêu chuẩn 2kPa cho vải địa kỹ thuật và 20 kPa cho bác thấm. Đồng hồ điện từ 0 -12,7mm/0,001mm	Việt Nam	01	07/05/2025	Trạm thí nghiệm hiện trường – An Giang

13	Bộ thí nghiệm rơi côn của vải địa kỹ thuật	Việt Nam	01	07/05/2025	Trạm thí nghiệm hiện trường – An Giang
14	Lò nung, Model sx2-5-12, nhiệt độ Max 1200 độ, Hãng: KeWei, dung tích lò 7.2lít, nguồn điện: 220v, công suất:5KW	Trung Quốc	01	07/05/2025	Trạm thí nghiệm hiện trường – An Giang
15	Lò nung	Trung Quốc	01	07/05/2025	Trạm thí nghiệm hiện trường – An Giang
16	Tủ sấy	Trung Quốc	01	07/05/2025	Trạm thí nghiệm hiện trường – An Giang
17	Máy nén vữa TYA 300	Trung Quốc	01	07/05/2025	Trạm thí nghiệm hiện trường – An Giang
18	Máy nén bê tông TYA 2000	Trung Quốc	01	07/05/2025	Trạm thí nghiệm hiện trường – An Giang
19	Máy CBR	Trung Quốc	01	07/05/2025	Trạm thí nghiệm hiện trường – An Giang
20	Vòng đo lực 0-30 kN	Trung Quốc	01	07/05/2025	Trạm thí nghiệm hiện trường – An Giang
21	Vòng đo lực 0-60 kN	Trung Quốc	01	07/05/2025	Trạm thí nghiệm hiện trường – An Giang
22	Cân điện tử 30 kg, d=1g	Nhật Bản	03	07/05/2025	Trạm thí nghiệm hiện trường – An Giang
23	Cân điện tử 5 kg, d=0.01g	Nhật Bản	01	07/05/2025	Trạm thí nghiệm hiện trường – An Giang
24	Cân điện tử 620g, d=0.001g	Nhật Bản	01	07/05/2025	Trạm thí nghiệm hiện trường – An Giang
25	Đồng hồ so 0-10mm, d=0.01mm	Trung Quốc	11	07/05/2025	Trạm thí nghiệm hiện trường – An Giang

PHỤ LỤC 3
DANH SÁCH CÁN BỘ, THÍ NGHIỆM VIÊN, PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ
CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 33.005
(Kèm theo Công bố số: 01/CBNL-2026 ngày 07/04/2026 của Công ty CP công trình Tây Nguyên)

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Trình độ học vấn	Năm công tác	Chứng chỉ	Lĩnh vực thí nghiệm
1	Trần Quốc Dân	1978	Nam	Đại Học	20	1. Quản lý PTN theo TCVN ISO/IEC 17025:2017 cấp ngày 27/03/2026 2. Có bằng tốt nghiệp đại học ngành xây dựng cầu đường do Trường Đại học Giao thông vận tải cấp ngày 12/12/2008; chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý phòng thí nghiệm do viện do viện khoa học công nghệ giao thông vận tải cấp ngày 12/04/2021; chứng chỉ thí nghiệm viên do viện khoa học công nghệ giao thông vận tải cấp ngày 27/01/2021; chứng nhận đã hoàn thành chương trình tập huấn tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025:2007 do học viện cán bộ quản lý xây dựng và đô thị cấp ngày 17/11/2017. Giấy chứng nhận đã tham gia chương trình: Phô biến chuyên đề Bê tông nhựa và vật hàn bánh xe do Trung tâm đào tạo thông tin thuộc viện khoa học công nghệ giao thông vận tải cấp ngày 11/09/2014; Giấy chứng nhận đã hoàn	1. thử nghiệm cốt liệu bê tông và vữa 2. Thử nghiệm bê tông và hỗn hợp bê tông 3.Thử nghiệm cọc, sức chịu tải và độ toàn vẹn của cọc 4. vật liệu tái chế ngội tại chỗ dùng cho kết cấu áo đường ô tô 5. Thử nghiệm nhựa đường lỏng 6. nhũ tương nhựa đường lòn Axit 7.Thí nghiệm về vật liệu đường bộ 8. Sơn tín hiệu giao thông sơn phản quang dẻo

						thành chương trình đào tạo thí nghiệm về: Phương pháp xác định các tính chất cơ lý của bê tông và vật liệu xây dựng do viện khoa học công nghệ xây dựng cấp ngày 26/05/2003; Giấy chứng nhận đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về: Thí nghiệm hiện trường kiểm tra độ toàn vẹn và sức chịu tải của cọc do viện khoa học công nghệ xây dựng cấp ngày 23/06/2008; Giấy chứng nhận đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về: Phương pháp xác định các tính chất cơ lý của đất trong phòng và hiện trường do viện khoa học công nghệ xây dựng cấp ngày 15/09/2009.	
2	Trần Đức Thương	1990	Nam	Đại Học	12	1. Quản lý PTN theo TCVN ISO/IEC 17025:2017 cấp ngày 27/03/2026 2. Có bằng tốt nghiệp đại học kỹ thuật địa chất do Trường đại học Mở địa chất cấp ngày 28/08/2013; Giấy chứng nhận đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm: Phương pháp xác định các tính chất cơ lý của đất trong phòng thí nghiệm do trường Đại học Mở địa chất cấp ngày 11/03/2013; Chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ thí nghiệm viên chuyên ngành xây dựng do Viện nghiên cứu đào tạo và bồi dưỡng cán bộ Hà Nội cấp ngày 26/09/2018. Giấy chứng nhận đã hoàn thành chương trình đào tạo về Quản lý phòng thí	1. Thử nghiệm cơ lý đất trong phòng 2. Thử nghiệm cơ lý vữa xây dựng 3. Vữa Trộn Sẵn 4. vãi địa kỹ thuật và bác thăm 5.Thí nghiệm về vật liệu đường bộ 6.Thử nghiệm Bê tông nhựa

						nghiệm do Viện nghiên cứu đào tạo và bồi dưỡng cán bộ Hà Nội cấp ngày 29/03/2017	
3	Nguyễn Thị Tâm	1992	Nữ	Cao đẳng	02	1. Có bằng tốt nghiệp Cao Đẳng giao thông vận tải II; chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật giao thông 2. Phân tích học cốt liệu và nước dùng cho vữa và bê tông	1. Thử nghiệm hóa học cốt liệu và nước dùng cho vữa và bê tông
4	Đoàn Quang Tính	1985	Nam	Đại Học	09	1. Thử nghiệm về vật liệu đường bộ	1. Thử nghiệm hiện trường 2. Dung dịch bentonite 3. Thử nghiệm về vật liệu đường bộ
5	Huỳnh Hữu Quốc	1985	Nam	Đại Học	09	1. Thử nghiệm về vật liệu đường bộ	1. Thử nghiệm về vật liệu đường bộ 2. Thử nghiệm hiện trường
6	Nguyễn Xuân Khánh Duy	1986	Nam	Đại Học	08	1. Thử nghiệm về vật liệu đường bộ	1. Kiểm tra thép kim loại và mối hàn 2. Thử nghiệm day điện và cáp điện 3. Thử nghiệm về vật liệu đường bộ
7	Nguyễn Văn Hiếu	1985	Nam	Cao đẳng	08	1. Thử nghiệm về vật liệu đường bộ	1. Thử nghiệm cơ lý gạch ốp lát. 2. Thử nghiệm cơ lý gạch terazo 3. Thử nghiệm cơ lý gạch xây

8	Trần Quốc Tuấn	1991	Nam	Đại Học	07	1. Thí nghiệm về vật liệu đường bộ	1. thử nghiệm cơ lý gạch bê tông tự chèn 2. Thử nghiệm nhựa đường lỏng 3. nhũ tương nhựa đường lớn Axit 4. vải địa kỹ thuật và bắc thám
9	Đinh Quốc Phong	1982	Nam	Đại Học	12	1. Thí nghiệm vật liệu công trình giao thông	1. Thí nghiệm về vật liệu đường bộ
10	Lê Việt Vương	1978	Nam	Đại Học	19	1. Thí nghiệm về vật liệu đường bộ	1. Thí nghiệm về vật liệu đường bộ
11	A Luật	2000	Nam	Đại Học	03	1. Thí nghiệm vật liệu công trình giao thông	1. Thí nghiệm về vật liệu đường bộ
12	Đinh Trung Nguyên	2000	Nam	Đại Học	03	1. Thí nghiệm vật liệu công trình giao thông	1. Thí nghiệm về vật liệu đường bộ
13	Nguyễn Văn Thiện	1994	Nam	Trung học PT	02	1. Thí nghiệm vật liệu công trình giao thông	1. Thí nghiệm vật liệu công trình giao thông
14	Cao Văn Thọ	1993	Nam	Trung học PT	02	1. Thử nghiệm vật liệu xây dựng	1. Thí nghiệm vật liệu xây dựng